

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 221/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2022

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đăng Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoàn.

Ông Hoàng Sĩ Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 240/2021/TLST-HNGĐ ngày 01/11/2021, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 257/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 161/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 67/2022/TB-TA ngày 20/9/2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng N**, sinh năm 1998.

Địa chỉ cư trú: Số 205 L, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh **P**, sinh ngày 13/5/1977; Quốc tịch: Hàn Quốc.

Địa chỉ: 83 A – d2 - g, S - g, B, Hàn Quốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày: Anh P là người Hàn Quốc nhưng lao động ở Việt Nam. Anh chị quen nhau do người thân giới thiệu, tìm hiểu nhau khoảng 01 tháng thì kết hôn, đăng ký tại UBND thành phố C, tỉnh Hải Dương vào ngày 09/8/2018. Sau khi kết hôn anh chị chung sống ở C được một thời gian ngắn thì anh P quay trở lại Hàn Quốc làm việc

còn chị N tiếp tục ở lại Việt Nam. Do khoảng cách địa lý vợ chồng xa nhau nên anh chị hay xảy ra mâu thuẫn và thường xuyên cãi nhau qua điện thoại, không ai quan tâm đến ai, anh chị đã không còn liên lạc từ đầu 2019 đến nay. Do tình hình dịch bệnh căng thẳng nên chị N cũng không sang được Hàn Quốc, chị N xác định anh chị không có cơ hội để hàn gắn, cũng không còn tình cảm để tiếp tục quan hệ vợ chồng. Chị N đề nghị tòa án tỉnh Hải Dương giải quyết cho chị ly hôn anh P.

Về con chung, tài sản, nợ chung: Vợ chồng không có con chung, không có tài sản và nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị N vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, chị vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Anh P vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị Hồng N và anh P đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Nguyễn Thị Hồng N ly hôn anh P. Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Hồng N cung cấp địa chỉ của anh P tại số 83 A – d2 - g, S - g, B, Hàn Quốc là địa chỉ khi anh P về Việt Nam kết hôn, ngoài địa chỉ trên chị N không cung cấp được địa chỉ nào khác. Tòa án đã gửi hồ sơ ủy thác tư pháp tới Bộ tư pháp để thực hiện ủy thác theo quy định của pháp luật. Ngày 19 tháng 4 năm 2022, Tòa án đã nhận được công văn số 989/CH-BTP của Bộ Tư pháp, thể hiện Bộ tư pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã gửi văn bản ủy thác tới Cục Quản lý Tòa án quốc gia, Đại Hàn Dân Quốc để thực hiện ủy thác đối với anh P. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 22/8/2022, Tòa án nhận được công văn số 2235/BTP-PLQT của Bộ Tư pháp thể

hiện Bộ tư pháp đã nhận được văn bản số 2022-D-398 ngày 03/6/2022 của Cục Quản lý Tòa án quốc gia, Đại Hàn Dân Quốc thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp đối với đương sự P. Tại văn bản xác nhận kết quả tổng đạt thể hiện: Toàn bộ giấy tờ tổng đạt bản gốc đã được trả lại do không thể tổng đạt (địa chỉ không rõ ràng). Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã tiến hành thông báo các văn bản của Tòa án trên cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương và cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc. Tuy nhiên hết thời hạn 1 tháng anh P vẫn không có văn bản trình bày ý kiến. Trong quá trình giải quyết vụ án chị N có đơn xin được xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Hồng N và anh P.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh P là người Hàn Quốc nhưng lao động ở Việt Nam. Anh chị quen nhau do người thân giới thiệu, tìm hiểu nhau khoảng 01 tháng thì kết hôn, đăng ký tại UBND thành phố C, tỉnh Hải Dương vào ngày 09/8/2018. Sau khi kết hôn anh chị chung sống ở C được một thời gian ngắn thì anh P quay trở lại Hàn Quốc làm việc còn chị N tiếp tục ở lại Việt Nam. Do khoảng cách địa lý vợ chồng xa nhau nên anh chị hay xảy ra mâu thuẫn và thường xuyên cãi nhau qua điện thoại, không ai quan tâm đến ai, anh chị đã không còn liên lạc từ đầu 2019 đến nay. Do vậy có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn anh P.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí, lệ phí: Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 3 Điều 153, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Hồng N ly hôn anh P.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0004570 ngày 27/10/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, chị N đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về lệ phí ủy thác tư pháp: Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) lệ phí ủy thác tư pháp, được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0004590 ngày 09/11/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, chị N đã nộp đủ lệ phí ủy thác tư pháp.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Hồng N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND thành phố C, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, Lưu VP, Lưu Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Đăng Huy